

Số: 525/2015/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Hội đồng Quản lý và Ban Giám đốc
Quý Đầu tư Phát triển Đồng Nai**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Quý Đầu tư Phát triển Đồng Nai ("Quý"), bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động Vốn chủ sở hữu và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 6 đến trang 26.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Quý chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán phù hợp với yêu cầu của Chuẩn mực kiểm toán Quốc tế. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không còn có những sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán liên quan đến các số liệu và thông tin được trình bày trên báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm những đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính là do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Quý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán thích hợp với từng tình huống cụ thể, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quý. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán được áp dụng, tính hợp lý của các ước tính kế toán do Ban Giám đốc đưa ra, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, các luồng lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo này lập trong khuôn khổ cuộc kiểm toán báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Nai, chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho Ngân hàng Thế giới, Bộ Tài chính và các bên có liên quan khác trong khuôn khổ hợp đồng kiểm toán kỹ với Ban quản lý Dự án Quỹ Đầu tư phát triển địa phương.

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY TNHH HANG KIEM TOAN AASC



Nguyễn Quốc Dũng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0285-2013-002-1

Kiểm toán viên

Phạm Anh Tuấn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
100 A. Tài sản ngắn hạn		626.532.923.076	473.287.211.678
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	613.599.181.791	348.013.037.394
111 1. Tiền		119.599.181.791	31.013.037.394
112 2. Các khoản tương đương tiền		494.000.000.000	317.000.000.000
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		10.796.623.648	125.053.350.991
134 4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ của Quý	4	5.658.299.111	6.628.497.887
138 6. Các khoản phải thu khác	5	5.138.324.537	118.427.741.804
139 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(2.888.700)
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		2.137.117.637	220.823.293
154 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	6	2.066.574.637	205.622.293
158 5. Tài sản ngắn hạn khác		70.543.000	15.201.000
200 B. Tài sản dài hạn		880.291.453.021	836.913.589.226
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		803.079.353.192	761.921.978.406
215 5. Phải thu cho vay đầu tư bằng vốn hoạt động	7	819.938.631.485	779.734.410.286
218 8. Dự phòng rủi ro cho vay	8	(16.859.278.293)	(17.812.431.880)
220 II. Tài sản cố định		1.950.992.389	2.260.327.380
221 1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.834.552.572	2.105.775.664
222 - Nguyên giá		5.050.864.467	5.050.864.467
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(3.216.311.895)	(2.945.088.803)
227 3. Tài sản cố định vô hình	10	116.439.817	154.551.716
228 - Nguyên giá		240.982.000	210.982.000
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(124.542.183)	(56.430.284)
250 IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	75.261.107.440	72.731.283.440
252 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		4.250.000.000	4.250.000.000
258 3. Đầu tư dài hạn khác		71.011.107.440	69.469.427.440
259 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	(988.144.000)
270 Tổng cộng tài sản		1.506.824.376.097	1.310.200.800.904

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
300 A. Nợ phải trả		382.218.851.567	276.041.839.199
310 I. Nợ ngắn hạn		11.900.461.085	18.270.289.598
312 1. Phải trả người bán		973.600	17.933.600
314 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.256.531.449	8.319.650.071
315 4. Phải trả người lao động		900.000.000	900.000.000
318 7. Phải trả lãi vốn huy động	13	3.984.190.206	3.618.634.743
319 8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	5.758.765.830	5.414.071.184
330 II. Nợ dài hạn		370.318.390.482	257.771.549.601
334 4. Vay và nợ dài hạn	15	259.969.435.677	242.862.260.336
341 9. Vốn nhận ủy thác cho vay đầu tư	16	108.459.812.000	10.625.975.000
342 - Vốn ủy thác cho vay đầu tư phải trả		186.141.711.000	188.863.361.000
343 - Phải thu về cho vay từ vốn nhận ủy thác		(77.681.899.000)	(178.237.386.000)
350 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.889.142.805	4.283.314.265
400 B. Vốn chủ sở hữu		1.124.605.524.530	1.034.158.961.705
411 1. Vốn Ngân sách Nhà nước cấp		570.931.673.122	570.931.673.122
413 3. Vốn khác của chủ sở hữu		16.457.162.461	16.457.162.461
417 6. Quỹ đầu tư phát triển		397.325.290.406	397.325.290.406
418 7. Quỹ dự phòng tài chính		49.444.835.716	49.444.835.716
420 8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		90.446.562.825	-
440 Tổng cộng nguồn vốn		1.506.824.376.097	1.310.200.800.904

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
4. Nợ khó đòi đã xử lý		576.734.302	576.734.302
5. Mức vốn cho vay		1.389.829.100.000	1.127.263.000.000
8. Tài sản nhận thế chấp		984.650.674.023	778.056.017.799
9. Lãi chưa thu cho vay vốn nhận ủy thác		3.098.699.000	654.186.000
10. Lãi chưa thu cho vay khác		14.749.433.609	14.524.202.609
11. Các cam kết bảo lãnh cho khách hàng		20.940.000.000	21.740.000.000

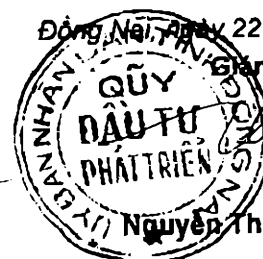
Người lập biểu

Nguyễn Khả Phương Thu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Vân

Đồng Nai, ngày 22 tháng 03 năm 2015



Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hương

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
01	1. Doanh thu		115.998.791.952	115.654.190.447
01.1	- Doanh thu từ hoạt động đầu tư trực tiếp		467.983.921	-
01.2	- Doanh thu lãi tiền cho vay		77.239.763.000	79.939.731.465
01.3	- Thu từ hoạt động đầu tư góp vốn		9.938.420.260	9.819.882.000
01.4	- Doanh thu lãi tiền gửi		25.502.676.678	23.491.697.218
01.5	- Thu phí hoạt động nhận ủy thác		2.847.979.093	2.377.622.732
01.8	- Doanh thu khác		1.969.000	25.257.032
10	3. Doanh thu thuần		115.998.791.952	115.654.190.447
11	4. Chi phí hoạt động		14.501.028.956	15.614.034.224
11.2	- Chi phí lãi tiền vay		14.498.579.956	13.726.007.400
11.3	- Chi phí hoạt động đầu tư góp vốn		-	121.415.840
11.5	- Chi phí dự phòng rủi ro cho vay		-	1.675.708.813
11.7	- Chi phí khác		2.449.000	90.902.171
20	5. Lợi nhuận gộp		101.497.762.996	100.040.156.223
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	10.516.413.854	9.901.099.830
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		90.981.349.142	90.139.056.393
31	8. Thu nhập khác	18	1.132.478.637	-
32	9. Chi phí khác	19	392.032.670	-
40	10. Lợi nhuận khác		740.445.967	-
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		91.721.795.109	90.139.056.393
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20	1.275.232.284	20.079.793.598
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		90.446.562.825	70.059.262.795


Đồng Nai, ngày 22 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Khả Phương Thu

Nguyễn Thị Thu Vân

Nguyễn Thị Thu Hương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

Theo phương pháp trực tiếp

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán các khoản đầu tư trực tiếp, cho thuê tài sản	467.983.921	-
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	(1.870.215.917)	(1.674.078.109)
03	3. Tiền thu các khoản phí	3.132.777.000	2.615.385.000
04	4. Thu tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi	103.712.638.454	101.616.802.796
05	5. Tiền chi trả lãi tiền vay	(14.203.997.493)	(14.857.805.530)
06	6. Chênh lệch tiền chi và thu cho vay	(37.204.221.199)	(62.526.795.999)
07	7. Tiền thu nhận vốn ủy thác cho vay đầu tư	47.275.132.000	148.403.633.000
08	8. Tiền chi cho vay từ vốn nhận ủy thác cho vay đầu tư	(12.000.000.000)	(115.000.000.000)
14	14. Tiền chi trả cho người lao động	(7.242.280.254)	(7.317.572.020)
15	15. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(10.167.942.030)	(18.876.858.808)
16	16. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh (i)	238.108.859.986	84.813.279.739
17	17. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (ii)	(69.873.235.672)	(225.599.676.144)
d	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	240.135.498.796	(108.403.686.075)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	(53.270.000)	(43.750.000)
24	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	272.355.660
26	6. Tiền thu đầu tư khác	8.396.740.260	9.569.882.000
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	8.343.470.260	9.798.487.660
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	63.000.000.000
33	3. Tiền thu từ đi vay	28.090.992.786	63.539.015.250
34	4. Tiền trả nợ vay	(10.983.817.445)	(3.259.073.521)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	17.107.175.341	123.279.941.729
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	265.586.144.397	24.674.743.314
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	348.013.037.394	323.338.294.080
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	613.599.181.791	348.013.037.394

(i): Trong đó bao gồm: thu hồi tiền Sở Tài chính tính tạm ứng từ nguồn vốn Quý Phát triển Nhà 112.683.469.023 VND và thu hồi các khoản cho vay bằng nguồn vốn ủy thác 112.000.000.000 VND.

(ii): Trong đó bao gồm: tiền chi trả vốn nhận ủy thác 49.996.782.000 VND.

Người lập biểu

Nguyễn Khả Phương Thu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Vân

Đồng Nai, ngày 22 tháng 03 năm 2015



Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hương